TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2022
V/v "Yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ, chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa
Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 105/2022/TLST-HN&GĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX-HN&GĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1982; nơi cư trú: Đội 3, thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Đội 3, thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim A trình bày:

Bà Trần Thị Kim A và ông Võ Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu chung sống, ông bà rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2015 thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, bà A cho rằng ông B không có trách nhiệm với gia đình vợ con, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân không còn ai quan tâm đến ai, nay bà A nhận thấy không còn tình cảm gì

với ông B, do vậy bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng với ông B.

Quá trình chung sống giữa bà A và ông B có với nhau 02 người con chung là cháu Võ Hoàn C, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2003 và cháu Võ Hoàn D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2008, sau khi ly hôn bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi người con chung là cháu Võ Hoàn D cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, đối với con chung là Võ Hoàn C, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2003 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con đối với người con chung này. Bà A không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu cháu Võ Hoàn D.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim A trình bày trong thời gian sống chung giữa bà A và ông Võ Văn B không có tài sản chung và nợ chung gì, do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B đồng ý với phần trình bày của bà A, giữa ông B và bà A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu chung sống thì ông bà rất hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc, ông B và bà A đã sống ly thân với nhau và không còn ai quan tâm đến ai. Nay ông B đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên ông B đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ, chồng của bà A.

Về con chung, ông B và bà A có với nhau 02 người con chung là cháu Võ Hoàn C, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2003 và cháu Võ Hoàn D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2008. Sau khi ly hôn ông B đồng ý để bà A nuôi con chung là cháu Võ Hoàn D cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, đối với con chung là cháu Võ Hoàn C đã trưởng thành trên 18 nên ông B không có yêu cầu gì về việc nuôi người con chung này.

Về cấp dưỡng nuôi con: tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 7 năm 2022, cháu Võ Hoàn D trình bày:

Cháu là con ruột của bà A và ông B, hiện nay cháu đã 14 tuổi, cháu đang học lớp 8 tại trường Trung học cơ sở xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Cháu D biết việc mẹ cháu là bà A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bố cháu là ông B. Về mâu thuẫn vợ chồng thì cháu D không biết việc này do cháu còn nhỏ, nay cháu đang ở với mẹ là bà A. Khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn bố cháu. Việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng

trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39; 40 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ, chồng của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A.

Về con chung: Giao người con chung là cháu Võ Hoàn D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2008 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp "không công nhận quan hệ là vợ, chồng" do bà Trần Thị Kim A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Võ Văn B cư trú tại: Thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, 39, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục giải quyết văng mặt: Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà A và ông B thực hiện theo triệu tập của Tòa án và đã có Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai trình bày quan điểm của mình. Đồng thời, bà A, ông B đồng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét thấy, việc xin giải quyết văng mặt của bà A, ông B phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim A cho thấy, bà và ông Võ Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 không có ai ép buộc, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân không hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, thường hay quậy phá và chửi bà A, do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và không tìm được tiếng nói chung. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai

quan tâm đến ai, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay, hiện nay bà A và ông B mỗi người sống một nơi, do đó bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết không công nhận quan hệ là vợ, chồng với ông Võ Văn B. Xét thấy yêu cầu của bà A là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà A và ông B có 02 người con chung là cháu Võ Hoàn C, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2003 và cháu Võ Hoàn D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2008. Quá trình thu thập chứng cứ, bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con là cháu Võ Hoàn D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về phía cháu D cũng có lời khai và nguyện vọng được ở với bà A, ông B cũng đồng ý để bà A nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu D, nghĩ cần thiết phải giao người con chung là Võ Hoàn D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật. Đối với con chung là Võ Hoàn C, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2003 đã trưởng thành, trên 18 tuổi không có ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A về tranh chấp " yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ, chồng"

Tuyên bố bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1982 và ông Võ Văn B, sinh năm 1979, cùng nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Võ Hoàn D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2008 cho bà Trần Thị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006272 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

***Nơi nhận*:**
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước*;
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh